TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 03/ 7 /2017
V/v "Xin ly hôn, nuôi con chung yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Thành Long

2. Ông Cao Thành Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Ông Huỳnh Hữu Tài- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 214/2016/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2016; Về việc: *"Xin ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: ấp D, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Lê Hữu N, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Con chung trên 7 tuổi của nguyên đơn và bị đơn: Lê Thị Phương T, sinh ngày 20/10/2009

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu N. Về con chung yêu cầu nuôi con chung Lê Tấn P, sinh ngày 01/3/2013, đối với con chung cháu Lê Thị Phương T,

sinh ngày 20/10/2009 theo nguyện vọng cháu T sống với Chị H nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Yêu cầu anh Lê Hữu N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 600.000 đồng/ 01 cháu. Tài sản chung, nợ chung không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Chứng cứ chứng minh Chị H cung cấp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh 02 con chung Lê Thị Phương T, sinh ngày 20/10/2009; Lê Tấn P, sinh ngày 01/3/2013; giấy xác nhận nơi sinh sống của anh N; Bản khai ý kiến của cháu T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Nguyên nhân Chị H ly hôn anh N:

- Vào năm 2008 Chị H và anh N kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CA theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyển số 01/2008 ngày 19/5/2008. Chị H và anh N thời gian đầu mới kết hôn sống rất hạnh phúc tuy nhiên đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, đã được cha mẹ hai bên hòa giải nhắc nhở nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt, từ năm 2014 đến nay ly thân không đoàn tựu lại. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N.

- Về con chung: Hiện nay 02 con chung: Lê Tấn P, sinh ngày 01/3/2013, Lê Thị Phương T, sinh ngày 20/10/2009 đang sống chung với Chị H từ khi ly thân cho đến nay, mặc khác theo nguyện vọng của cháu Thảo yêu cầu được sống chung với Chị H nên sau khi ly hôn chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và cháu T, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 600.000 đồng / mỗi con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, cháu Lê Thị Phương T trình bày: Cháu T là con chung cha Lê Hữu N, mẹ Nguyễn Thị Cẩm H, hiện nay cháu đang sống chung với mẹ. Sau khi cha, mẹ ly hôn cháu T có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ Nguyễn Thị Cẩm H, yêu cầu cha Lê Hữu N cấp dưỡng mỗi tháng 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn biết về việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của Chị H. Bị đơn anh Lê Hữu N vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên Tòa ngày hôm nay. Mặc dù đã được tống đạt và triệu tập hợp lệ.

Trình bày, phát biểu của Kiểm sát viên tại tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với bị đơn Lê Hữu N.

- Veà con chung: Giao 02 con chung Lê Tấn P, sinh ngày 01/3/2013, Lê Thị Phương T, sinh ngày 20/10/2009 cho Chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và cháu T. buộc anh N cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 600.000 đồng / mỗi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn nộp án phí theo quy định Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Tòa án giải quyết là " Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp T, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã 02 lần triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lê Hữu N nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 19 tháng 5 năm 2008 Chị H và anh N kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của Chị H, anh N là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng Chị H và hiện nay chị đã ly thân anh N từ năm 2014 đến nay không đoàn tựu lại là có thật. Chị H yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghĩ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét; Từ khi ly thân năm 2014 cho đến nay 02 con chung Lê Tấn P, sinh ngày 01/3/2013; Lê Thị Phương T, sinh ngày 20/10/2009 sống chung với Chị H, mặc khác theo nguyện vọng của cháu T yêu cầu được sống chung với Chị H nên sau khi ly hôn tiếp tục giao Chị H nuôi dưỡng cháu P và cháu T. Chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 600.000 đồng / mỗi con chung là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn nộp án phí theo quy định Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xöû:

1. Chấp nhận cho nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với bị đơn Lê Hữu N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Lê Tấn P, sinh ngày 01/3/2013; Lê Thị Phương T, sinh ngày 20/10/2009 cho nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn Lê Hữu N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng/ 01 con chung), cho đến khi cháu T và cháu P tròn 18 tuổi.

Bị đơn có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0005251, ngày 05/10/2016, nguyên đơn không phải nộp thêm. Bị đơn Lê Hữu N nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Lê Hữu N vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT 01b;
- Chi cục THADS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã C;
- Các đương sự ;
- Lưu HS.